

PL2- BẢNG PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN

TỔNG SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN				9,411	83,404	5,609	5,000	17,646	22,020	766,965
STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
CHI NHANH				6,070	68,974	5,109	-	14,405	18,529	662,832
1	VN0010086	CN Ba Đình	Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	88	661	43	-	201	240	7,224
2	VN0010033	PGD Vĩnh Phúc I	Tầng 1 và tầng 2 số 102, 103, 203 nhà K2, khu 7.2 HA Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội.	10	143	12	-	33	32	1,255
3	VN0010051	CN Điện Biên Phủ	Số 28A Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	91	741	44	-	245	257	8,007
4	VN0010070	Thụy Khuê	Một phần tầng 1 vị trí L1-A-B tại dự án Tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại, căn hộ và khu đỗ xe công cộng tại số 69B phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	9	175	10	-	55	39	1,727
5	VN0010052	Lý Nam Đế	Số 14C Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	23	354	28	-	75	88	3,248
6	VN0010062	Bạch Mai	Một phần tầng 1, tòa nhà TTTM Chợ Mơ, 459C phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	18	243	18	-	55	68	2,327
7	VN0010073	Hà Thành	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5 số 47 phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	14	196	13	-	44	60	1,929
8	VN0010031	CN Đông Anh	Tầng 1,2,3 Tòa nhà Trung tâm Du lịch và Thương mại Tổng hợp Cổ Loa, Tổ 3 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	33	349	21	-	97	100	3,590
9	VN0010036	PGD Sóc Sơn	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà tại Thửa đất số 208, 209 tờ bản đồ số 02, tờ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	8	108	9	-	12	26	939
10	VN0010017	Mê Linh	Thửa đất số 715, tờ bản đồ số 46, tờ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	9	142	9	-	26	35	1,400
11	VN0010059	CN Đống Đa	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Trụ sở làm việc Trung tâm Phát thanh truyền hình Quân đội, số 165 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	17	322	20	-	78	77	3,037
12	VN0010077	PGD Hoàng Cầu	Tầng 2,3,4 số 67 Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	8	105	9	-	12	25	924
13	VN0010075	Tây Sơn	Tầng 1, 3 tòa nhà số 539 - 539A, phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	9	147	9	-	38	36	1,464
14	VN0010064	Nam Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 8 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	12	229	13	-	81	49	2,208
15	VN0010072	PGD Thái Thịnh	Số 71 - 73 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	8	116	9	-	21	27	1,019
16	VN0010035	CN Gia Lâm	Số 132 - 134 đường Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	21	278	23	-	55	76	2,608
17	VN0010065	CN Hai Bà Trưng	Một phần tầng 1 khu văn phòng, tòa nhà Tower 1, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	71	489	21	-	211	185	5,830
18	VN0010055	Minh Khai	Tầng 1, 2,3,4 số 409 tổ 52 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17	239	20	-	44	64	2,207
19	VN0010071	PGD Văn Hồ	Số 29 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	8	115	9	-	13	27	1,003
20	VN0010034	Hoàng Mai	Tầng 1,2 ô DV-02, DV-04, DV-12, DV-14 khu chung cư @Homes thuộc dự án khu nhà ở xã hội tại ô đất C11-ODK4, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	9	142	10	-	27	40	1,391

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
21	VN0010057	CN Hoàn Kiếm	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 tòa nhà TTXVN Số 79 phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	106	583	27	-	211	200	7,287
22	VN0010067	Thủ Đức	Một phần tầng 1, tầng 12 tòa nhà Vinafor số 127 Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17	257	20	-	59	64	2,389
23	VN0010076	Bà Triệu	Tầng 1 đến tầng 5 tòa nhà số 18 phố Ngõ Quyền, phường Tráng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	10	150	10	-	35	40	1,468
24	VN0010080	Lý Thái Tổ	Shophouse 01 và 02, Khó để chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Sunshine Golden River, lô đất CT02A, Khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	11	165	12	-	34	43	1,585
25	VN0010056	CN Hoàng Quốc Việt	Số 126 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	86	707	41	-	222	239	7,711
26	VN0010007	PGD Nghĩa Tân	A2, Đơn nguyên 2, đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	9	138	11	-	29	31	1,210
27	VN0010012	Từ Liêm	Một phần tầng 1 và tầng 2 khu nhà ở cao tầng kết hợp hành chính đơn vị và nhà ở thấp tầng NO - CT2 thuộc dự án "Hải Đăng City", số 08 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	21	264	22	-	56	73	2,484
28	VN0010078	PGD Nam Thăng Long	Một phần tầng 1 tòa nhà A2 Chung cư Green Star - KĐT thành phố Giao lưu - số 232 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	12	103	8	-	14	24	854
29	VN0010053	CN Long Biên	Tầng 1, 3, 4, 5 số 137 C Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	30	446	34	-	82	111	4,120
30	VN0010066	Ngô Gia Tự	Số 32, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	16	229	16	-	55	57	2,225
31	VN0010037	PGD Yên Viên	Tầng 1, số 467 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	8	109	10	-	13	27	949
32	VN0010060	Đống Hà Nội	Số 63 đường Cổ Linh, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	12	184	13	-	45	48	1,763
33	VN0010011	CN Mỹ Đình	Tầng 1, tầng 2 nhà B, Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	27	435	28	-	131	100	4,108
34	VN0010831	Đống Đô	Một phần tầng 1 tòa nhà NTHome số 109 phố Nhòn, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	12	199	14	-	46	48	1,901
35	VN0010832	PGD Mỹ Đình I	Kios số 03 – Lô đất 1.A.IV KĐTM Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	12	160	15	-	30	40	1,378
36	VN0010833	Đan Phượng	Km 21, Quốc Lộ 32, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.	29	395	35	-	69	98	3,539
37	VN0010002	CN Sứ Giao dịch 1	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	78	759	30	-	231	199	8,408
38	VN0010830	CN Sơn Tây	Số 135 Chùa Thông, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	19	296	20	-	61	70	2,821
39	VN0010829	PGD Ba Vì	Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 04, thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	7	98	8	-	12	25	848
40	VN0010828	PGD Lê Lợi	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà số 6 Trưng Vương, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	9	111	10	-	14	29	955
41	VN0010827	Hòa Lạc	Tầng 1, Tòa nhà Công ty TNHH MTV Phát triển Khu CNC Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	5	103	4	-	18	29	1,090
42	VN0010004	CN Tây Hồ	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4 Số 28 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.	24	359	29	-	76	85	3,269

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
43	VN0010013	PGD Lạc Long Quân	Tầng 1, 2 Lô đất số 06 ô D9B, khu đầu giá quyền sử dụng đất, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội	7	94	7	-	10	22	827
44	VN0010032	PGD Xuân Diệu	Tầng 1 và một phần diện tích tầng 2 tòa nhà số 114 Xuân Diệu, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	12	151	14	-	25	38	1,297
45	VN0010009	Võ Chí Công	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà N01-T4 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	13	187	15	-	32	53	1,764
46	VN0010820	CN Tây Hà Nội	Tầng 1, Tòa nhà Nam Cường KM4, đường Lê Văn Lương kéo dài, KĐT M Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	26	482	32	-	100	98	4,460
47	VN0010821	Hà Đông	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa tháp Thiên niên kỷ số 4 đường Quang Trung, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	19	263	23	-	46	71	2,415
48	VN0010882	Xuân Mai	Số 51, tổ 6, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	14	228	16	-	45	57	2,155
49	VN0010824	Văn Phú	Một phần tầng 1 tòa nhà CT9, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	19	276	23	-	55	68	2,541
50	VN0010081	Vạn Phúc	B-TT01-55, B-TT01-57, Khu nhà ở Ngã Hà Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	9	102	6	-	12	29	1,066
51	VN0010180	CN Thanh Trì	Một phần diện tích tầng 1 và tầng 1B của tòa nhà An & Huy, thửa đất số GD1-1, GD1-2, GD1-3 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.	15	255	18	-	57	58	2,403
52	VN0010061	Thường Tín	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà tại lô số 2, cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, Hà Nội	5	91	4	-	5	24	970
53	VN0010003	CN Thanh Xuân	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	34	548	37	-	128	125	4,941
54	VN0010010	Hồng Hà	Tầng 1, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	23	326	27	-	69	81	2,964
55	VN0010014	Linh Đàm	BT1, Ô4, Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.	17	248	20	-	55	63	2,308
56	VN0010054	CN Thăng Long	Số 34, Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	78	631	31	-	233	204	7,105
57	VN0010058	Thành Công	Ô số 8 tầng 1, ô số 3 tầng 8 Tòa nhà Văn phòng Sông Hồng, số 165 đường Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	17	277	14	-	101	65	2,781
58	VN0010068	Lê Trọng Tấn	Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	28	362	28	-	93	92	3,422
59	VN0010063	Giải Phóng	Một phần tầng 1 và tầng lửng tòa nhà HH2 Dự án Khu hỗn hợp nhà ở, dịch vụ công cộng, văn phòng và trường học (tên thương mại Imperial Plaza) tại địa chỉ số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	14	239	16	-	65	58	2,269
60	VN0010074	Nhân Chính	Tầng 1, tòa nhà Thăng Long, Số 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	16	276	19	-	87	60	2,600
61	VN0010079	PGD Tân Mai	Số 641, nhà H5, TT Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội	10	130	11	-	24	33	1,127
62	VN0010005	CN Hà Nội	Tầng 1 tòa nhà số 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	51	381	30	-	108	96	4,090
63	VN0010006	Trảng An	Lô L1-09A, tầng L1 tòa nhà Vincom Center Nguyễn Chí Thanh, số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	9	159	9	-	50	37	1,574

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
64	VN0010008	Xuân Thủy	Nhà số 3, Lô A, Khu D6, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	27	427	33	-	102	99	3,889
65	VN0010020	PGD Nam Trung Yên	Ô số 10 (Khu tái định cư Tại chỗ), đường Trung Yên 1, KDTM Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	12	158	14	-	20	39	1,360
66	VN0010835	PGD Trung Văn	Tầng 1, tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 phố Tố Hữu, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	6	95	7	-	19	21	854
67	VN0010950	CN Sờ giao dịch 3	Tầng 2, Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	62	520	28	-	148	159	5,735
68	VN0010069	PGD Nguyễn Du	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 68 phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8	114	10	-	21	28	999
69	VN0010920	CN Hoài Đức	Lô A38-NV 16 ô số 11 và ô số 12, khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.	19	269	20	-	46	72	2,559
70	VN0010740	CN Hưng Yên	Tầng 1, tầng 5, tòa nhà Viettel Hưng Yên, số 537 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	25	316	24	-	60	88	3,024
71	VN0010741	PGD Châu Giang	Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 06, thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	19	236	24	-	33	62	1,991
72	VN0010742	PGD Phố Nối	Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 27, đường Nguyễn Văn Linh, phường Bản Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	11	145	13	-	25	35	1,256
73	VN0010743	PGD Văn Lâm	Thửa đất số 453 và 454, tờ bản đồ số 05, Khu Trung tâm thương mại Như Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	14	171	17	-	23	45	1,454
74	VN0010030	CN Bắc Ninh	Tầng 1, Tầng 2 và Tầng 9 Tòa nhà trụ sở Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Ninh: Số 24 đường Lý Thái Tổ, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	40	497	41	-	100	132	4,628
75	VN0010029	Từ Sơn	Tầng 1, Công ty TNHH Nam Hồng, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	14	200	16	-	31	56	1,877
76	VN0010028	PGD Yên Phong	Tầng 1, tầng 2, tòa nhà Ven bắc đường TL286, khu ao Dân quân, phố Chờ, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.	10	131	12	-	16	33	1,137
77	VN0010251	CN Hải Phòng	Tầng 1, tầng 2 và tầng 10 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Phòng, thửa đất số 06, lô 30A, khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	55	578	40	-	116	163	5,733
78	VN0010254	PGD Lạch Tray	Số 02B Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	19	235	24	-	39	62	1,985
79	VN0010257	PGD Hải An	Số 206, 216 đường Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	15	181	18	-	25	48	1,535
80	VN0010261	PGD Vạn Mỹ	Số 341 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	13	161	15	-	30	42	1,382
81	VN0010264	PGD Vĩnh Bảo	Số 136 Khu phố 3/2 thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	8	108	10	-	19	29	931
82	VN0010253	CN Nam Hải Phòng	Tầng trệt (tầng 1), tầng 3 tòa nhà Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng, số 268 đường Trần Nguyên Hân, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	23	216	16	-	52	63	2,199
83	VN0010256	PGD Vô Nguyên Giáp	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà tại thửa đất số 512 lô HK17 Khu dự án đô thị Ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	7	91	8	-	11	24	797

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
84	VN0010258	PGD Kiến An	Số 01+02/NO 05 Khu đô thị và nhà ở Cự Viên, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	17	215	22	-	29	56	1,820
85	VN0010252	PGD Lê Chân	Số 146 Tôn Đức Thắng, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	17	207	21	-	29	56	1,748
86	VN0010263	CN Bắc Hải Phòng	Số 5 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	22	226	18	-	40	69	2,165
87	VN0010255	PGD Thủy Nguyên	TTTM Bắc Mát, Ngã Tư TT Núi Đèo, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.	19	232	24	-	32	61	1,958
88	VN0010259	PGD Thượng Lý	Nhà số BH01-51, Khu đô thị xi măng Hải Phòng (Khu đô thị Vinhomes Imperia Hải Phòng), đường Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	11	143	13	-	18	35	1,234
89	VN0010260	PGD Quán Toa	Số 212 đường Hùng Vương, phường Quán Toa, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	14	184	17	-	35	49	1,576
90	VN0010270	CN Hải Dương	Tầng 1, tầng 2 số 248 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	32	377	27	-	98	105	3,691
91	VN0010271	PGD Lê Thanh Nghị	Số 481 - 483 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	10	133	12	-	16	33	1,149
92	VN0010272	PGD Chí Linh	Số 10, 12 đường Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	7	101	8	-	11	25	882
93	VN0010273	PGD Kinh Môn	Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 05, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	7	92	7	-	10	22	815
94	VN0010601	CN Quảng Ninh	Số 156 đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	28	296	15	-	67	89	2,836
95	VN0010602	Cẩm Phá	Số 705 (thửa đất số 7, 8, 9 tờ bản đồ số 22), tổ 2, khu Tân Lập 6, phường Cẩm Phá, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh	6	110	6	-	18	30	1,139
96	VN0010604	PGD Hạ Long	Số 328, tổ 1B, khu 6A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	7	103	8	-	11	25	906
97	VN0010606	PGD Bãi Cháy	Số nhà 489, đường Hạ Long, tổ 8, khu 9A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	7	101	8	-	11	24	897
98	VN0010607	PGD Vân Đồn	404-406, Tờ 1, khu 7, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	3	51	3	-	4	12	461
99	VN0010603	CN Uông Bí	Số 277, đường Quang Trung, Tổ 24 A, khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.	13	178	11	-	20	46	1,781
100	VN0010605	PGD Mạo Khê	Số 196 Ngã 4, khu Hoàng Hoa Thám, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	9	120	11	-	20	30	1,040
101	VN0010351	CN Việt Trì	Số 1596 đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	30	360	30	-	65	100	3,364
102	VN0010352	PGD Phú Hộ	Số 63, Khu 12, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.	13	166	16	-	22	43	1,419
103	VN0010353	PGD Nam Việt Trì	Số 779 Đại Lộ Hùng Vương, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	8	112	10	-	13	28	975
104	VN0010354	PGD Đền Hùng	Trạm khách T44, quần Khu II, khu 1, phường Văn Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	10	128	12	-	16	32	1,105
105	VN0010356	PGD Lâm Thao	Một phần tầng 1, Số nhà 179, khu 5, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	5	65	5	-	6	16	566
106	VN0010355	CN Vĩnh Phúc	Một phần tầng 1, tòa nhà viettel Vĩnh phúc, KĐT chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.	26	318	22	-	76	85	3,119
107	VN0010358	PGD Phúc Yên	Số 65 đường Trần Hưng Đạo, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	8	119	9	-	24	28	1,055
108	VN0010359	PGD Yên Lạc	194 Dương Tinh, tổ dân phố 3 Đoài, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	4	66	4	-	6	15	596

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
109	VN0010090	CN Thái Nguyên	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 679 đường Lương Ngọc Quyến, tổ 12, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	28	341	25	-	69	95	3,307
110	VN0010091	PGD Trung Vương	Tầng 1, Công trình Chợ Thái, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	13	167	16	-	22	42	1,435
111	VN0010092	PGD Nam Thái Nguyên	Tổ 2, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	7	95	8	-	11	23	831
112	VN0010093	PGD Phố Yên	Tổ dân phố 2, phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	7	101	8	-	12	25	878
113	VN0010230	CN Ninh Bình	Tầng 1, 3 tòa nhà số 848 đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	68	497	30	-	140	181	5,576
114	VN0010231	PGD Tam Điệp	Số nhà 146, đường Đồng Giao, phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	9	122	10	-	21	30	1,065
115	VN0010232	PGD Nguyễn Công Trứ	Số 307 - 309 - 311 đường Nguyễn Công Trứ, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	8	120	10	-	20	27	1,059
116	VN0010233	CN Ninh Bình	Thửa đất số 2621 và thửa đất số 2613 tờ bản đồ số 381E, xã Gia Trăn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	6	89	7	-	9	21	794
117	VN0010840	CN Thanh Hóa	Số 54+56+60 Trần Phú, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	29	400	26	-	88	98	3,876
118	VN0010841	PGD Phan Chu Trinh	Số 15, Khu nhà ở TM, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	9	129	11	-	22	31	1,120
119	VN0010842	PGD Nghi Sơn	Số nhà 100 đường Đào Duy Từ, tiểu khu 5, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8	129	8	-	21	35	1,293
120	VN0010843	PGD Lam Sơn	Tiểu khu 6, Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	6	88	6	-	8	34	704
121	VN0010810	CN Nghệ An	Số 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	21	295	23	-	53	77	2,781
122	VN0010811	PGD Diễn Châu	Khối 3, Thị Trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	9	126	11	-	14	30	1,100
123	VN0010812	PGD Trung Đô	Số 191 đường Lê Duẩn, khối 7, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	11	91	8	-	13	31	854
124	VN0010814	PGD Hà Huy Tập	Tòa nhà Viettel, đường Lê Nin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	8	112	9	-	20	29	973
125	VN0010737	CN Lào Cai	Số 119 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	19	203	13	-	49	62	2,110
126	VN0010738	PGD Kim Tân	Ngã 6, tổ 12, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	4	52	3	-	5	13	465
127	VN0010739	PGD Sa Pa	Số 196 đường Thạch Sơn, tổ 2, phường SaPa, thị xã SaPa, tỉnh Lào Cai	7	91	8	-	11	24	793
128	VN0010730	CN Móng Cái	Số 2 đường Hùng Vương, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	23	276	25	-	39	78	2,553
129	VN0010761	CN Bắc Giang	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà trụ sở Viettel Bắc Giang lô A4, lần 2, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	38	417	34	-	88	120	3,974
130	VN0010762	PGD Lục Nam	Số 375 phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngò, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	19	238	24	-	33	62	2,020
131	VN0010755	CN Thái Bình	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Thái Bình, số 431 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	17	246	18	-	49	66	2,363
132	VN0010756	PGD Hưng Hà	Số 266 đường Long Hưng, tổ dân phố Thị Độc, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	8	113	10	-	13	28	981
133	VN0010757	PGD Thái Thụy	Tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh thái Bình	8	109	10	-	13	27	949
134	VN0010758	CN Hà Tĩnh	Số 80 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	18	191	11	-	49	57	2,007

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
135	VN0010759	PGD Trần Phú	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 5, tổ dân phố 2, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	4	60	4	-	10	14	669
136	VN0010310	PGD Hồng Lĩnh	Số 135, đường Trần Phú, Tổ dân phố 1, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	5	69	5	-	6	16	624
137	VN0010775	CN Nam Định	Một phần tầng 1, tầng 3, tòa nhà đa năng số 625 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	28	349	24	-	61	90	3,307
138	VN0010776	PGD Hải Hậu	Tổ dân phố số 1, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	10	133	12	-	23	33	1,151
139	VN0010777	PGD Ý Yên	Thửa đất số ô M58, mặt bằng QH chi tiết cụm CN Làng Nghề TMDV Phía nam TT Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.	8	110	9	-	19	26	966
140	VN0010778	PGD Thành Nam	Số 69, phố Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	8	97	9	-	12	25	840
141	VN0010770	CN Hà Nam	Một phần tầng 1 và 2 trung tâm thương mại, dịch vụ Đại Nam Plaza, đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	21	288	19	-	46	70	2,746
142	VN0010771	PGD Duy Tiên	Thửa đất số 02 tờ bản đồ PL số 07, khu tập thể xí nghiệp Giống cây trồng Trung Ương, phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	13	164	16	-	21	42	1,403
143	VN0010780	CN Hòa Bình	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Viettel, tổ 8, phường Quỳnh Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	17	195	13	-	42	57	1,976
144	VN0010785	CN Sơn La	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel, số 1 Chu Văn Thỉnh, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	11	175	11	-	33	44	1,703
145	VN0010786	PGD Mộc Châu	Số 4 đường Lê Thanh Nghị, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	6	85	7	-	9	21	747
146	VN0010515	CN Lạng Sơn	Số 88-90 đường Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	14	200	15	-	21	51	1,894
147	VN0010520	CN Tuyên Quang	Số 155, đường Bình Thuận, tổ 19, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	15	164	10	-	24	49	1,710
148	VN0010525	CN Yên Bái	Số 736 đường Điện Biên, tổ 44, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	8	116	6	-	25	38	1,257
149	VN0010170	CN Điện Biên	Số 930 đường Võ Nguyên Giáp, tổ 3, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	9	97	2	-	3	20	962
150	VN0010501	CN Huế	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	27	333	30	-	45	90	3,052
151	VN0010502	PGD Nam Vĩ Dạ	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	9	115	10	-	14	29	1,000
152	VN0010503	PGD Hương Thủy	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	7	92	8	-	10	23	809
153	VN0010505	PGD Nam Trường Tiền	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	12	147	15	-	20	40	1,248
154	VN0010504	CN Quảng Trị	Số 134, quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	22	273	18	-	64	75	2,697
155	VN0010506	PGD Khe Sanh	Số 144 Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	6	86	6	-	9	20	762
156	VN0010301	CN Đà Nẵng	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 6 số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	68	575	43	-	137	179	5,920
157	VN0010304	Bắc Đà Nẵng	563 đường Tôn Đức Thắng, tổ 50, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	17	222	19	-	26	60	2,054
158	VN0010305	PGD Sông Hàn	Tầng 1, 2, 3 tòa nhà Lô 14-15 đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	8	111	10	-	13	27	969

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
159	VN0010308	PGD Hòa Thọ	Số 142 Ông Ích Đường, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	11	143	13	-	18	36	1,232
160	VN0010307	CN Nam Đà Nẵng	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	18	264	19	-	53	67	2,528
161	VN0010302	PGD Hải Châu	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	9	116	10	-	14	29	985
162	VN0010306	PGD Sơn Trà	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	12	149	14	-	19	38	1,279
163	VN0010309	PGD Cẩm Lệ	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	10	129	11	-	16	32	1,119
164	VN0010331	CN Quảng Nam	Số 284 Phan Chu Trinh, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	26	267	16	-	63	78	2,797
165	VN0010330	Hội An	Số 594 Hai Bà Trưng, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	17	242	19	-	45	61	2,252
166	VN0010333	PGD Núi Thành	Số 204 Phạm Văn Đồng, khối phố 2, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	7	95	7	-	10	22	841
167	VN0010334	PGD Duy Xuyên	Khu đô thị phố chợ Nam Phước, khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.	5	73	5	-	7	17	657
168	VN0010651	CN Quảng Ngãi	Nhà khách T50, số 168 đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	23	307	22	-	61	76	2,970
169	VN0010652	PGD Trà Khúc	Số 24 Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	8	101	9	-	12	25	884
170	VN0010653	PGD Bắc Quảng Ngãi	Số 448 Phạm Văn Đồng, Tổ dân phố 4, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	5	65	5	-	6	16	580
171	VN0010654	PGD Nam Quảng Ngãi	Thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	4	63	4	-	5	14	566
172	VN0010401	CN Bình Định	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội, số nhà 322 đường Nguyễn Thái Học, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	31	354	25	-	78	100	3,482
173	VN0010402	PGD An Nhơn	Số 86-88 Ngô Gia Tự, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	7	99	8	-	18	24	817
174	VN0010403	PGD Diêu Trì	Số 50-52 đường Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	13	123	11	-	16	32	1,087
175	VN0010800	CN Khánh Hòa	Số 09 đường Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	47	535	44	-	108	146	4,972
176	VN0010801	PGD Nha Trang	Lô số 199, khu dân cư Nam và Bắc đường Phong Châu, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	9	124	11	-	24	30	1,082
177	VN0010802	PGD Vĩnh Hải	Số 554 đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	15	187	18	-	32	48	1,599
178	VN0010805	PGD Hoàng Diệu	27/21 đường 7B, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	11	137	13	-	17	35	1,178
179	VN0010803	CN Nam Khánh Hòa	Số 151 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	30	409	37	-	66	105	3,647
180	VN0010804	PGD Hùng Vương	Số 2216 đại lộ Hùng Vương, phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	12	152	15	-	21	41	1,292
181	VN0010340	CN Dak Lak	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	29	392	28	-	102	95	3,709
182	VN0010341	PGD Eakar	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	6	81	6	-	9	20	720
183	VN0010342	PGD Buôn Hồ	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	8	103	9	-	12	25	900
184	VN0010343	PGD Cư M'gar	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	6	87	7	-	9	21	767

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
185	VN0010095	CN Gia Lai	Số 08 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	20	294	18	-	75	69	2,897
186	VN0010096	PGD Pleiku	Số 07 Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	12	129	10	-	18	29	1,020
187	VN0010709	PGD Chư Sê	Số 868 đường Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	6	85	7	-	9	21	742
188	VN0010510	CN Quảng Bình	Số 58 đường Quang Trung, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	19	203	14	-	40	55	2,038
189	VN0010850	CN Phú Yên	Số 99A - 101 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	19	271	16	-	69	62	2,695
190	VN0010851	PGD Sông Cầu	Số 319 đường Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải Nam, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	4	60	3	-	4	14	545
191	VN0010190	CN Ninh Thuận	Số 398 đường Thống Nhất, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	3	92	1	-	2	18	1,023
192	VN0010101	CN TP Hồ Chí Minh	Số 18B đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100	971	59	-	277	281	10,082
193	VN0010106	Trường Chinh	318 Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.	20	219	17	-	28	55	1,826
194	VN0010100	Tân Hương	Số 229 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	21	333	25	-	64	74	3,073
195	VN0010113	Thống Nhất	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 số 102-104-106 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	11	172	12	-	29	47	1,663
196	VN0010704	Bình Tân	Số 435, 437, 439, 441 Đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.	16	210	18	-	33	57	1,935
197	VN0010110	CN Sài Gòn	Số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	75	556	26	-	187	187	6,434
198	VN0010116	Độc Lập	Một phần tầng trệt và tầng 4, số 07 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	8	174	7	-	55	37	1,751
199	VN0010146	Bến Thành	Số 414C-414D Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	9	146	9	-	27	39	1,450
200	VN0010120	Quận 3	Một phần diện tích tầng 1 và toàn bộ tầng 2 tòa nhà Số 161, 163 đường Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	14	202	14	-	48	56	1,981
201	VN0010102	Hàm Nghi	Tầng trệt (tầng 1), tầng 2 tòa nhà Beta số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	15	275	14	-	93	60	2,704
202	VN0010117	Khánh Hội	Số 192, 194 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	18	291	21	-	71	65	2,744
203	VN0010280	CN Đông Sài Gòn	Tầng trệt tòa nhà Số 538 đường CMT8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	37	314	17	-	113	105	3,446
204	VN0010115	Tân Phú	Số 835 – 837 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	13	183	15	-	38	50	1,726
205	VN0010282	Nguyễn Đình Chiểu	Số 569 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	9	138	9	-	34	38	1,364
206	VN0010112	3 tháng 2	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà 198A đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	10	150	11	-	33	41	1,464
207	VN0010204	Quận 10	Tầng trệt, tầng 1 tầng 2 số 327-329 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.	12	198	13	-	49	50	1,898
208	VN0010701	CN Quận 5	Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2 số 353 – 355 đường An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.	21	337	25	-	81	76	3,116
209	VN0010111	Nguyễn Tri Phương	431-433 Nguyễn Tri Phương, Phường 08, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	21	201	16	-	41	53	1,993
210	VN0010107	Quận 6	Số 10 – 12 đường Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.	15	216	18	-	24	57	1,903

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
211	VN0010702	Quận 8	Số 829 - 829A đường Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	13	197	14	-	45	49	1,877
212	VN0010703	Lê Đại Hành	Số 357A, 357C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.	21	166	14	-	29	49	1,743
213	VN0010151	CN An Phú	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 số 173 đường Trần Nãi, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	36	454	38	-	90	124	4,196
214	VN0010155	Thủ Đức	Số 282 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	18	252	19	-	60	69	2,402
215	VN0010154	Quận 9	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, số 25B Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	16	243	19	-	46	61	2,264
216	VN0010157	Thảo Điền	Một phần tầng 1 - Số 12 Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	11	163	12	-	29	44	1,565
217	VN0010201	CN Bắc Sài Gòn	Số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	103	829	60	-	226	285	9,338
218	VN0010202	Quang Trung	Số 170 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	18	262	19	-	63	70	2,502
219	VN0010205	Quận 12	Số 312 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 3, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh	15	204	17	-	39	59	1,900
220	VN0010220	CN Gia Định	Số 3 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	21	292	19	-	82	77	2,860
221	VN0010108	Đình Tiên Hoàng	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 số 86, 88 Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	8	142	8	-	32	36	1,416
222	VN0010114	Tân Định	192 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	10	146	10	-	14	40	1,428
223	VN0010221	CN Nam Sài Gòn	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 số 310 đường Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	11	174	12	-	35	44	1,674
224	VN0010105	Tân Cảng	150-150A đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	15	234	17	-	55	57	2,208
225	VN0010103	CN Sỡ Giao Dịch 2	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Tòa Nhà Sunny ToWer, Số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cồ Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	74	698	35	-	190	205	7,563
226	VN0010160	CN Nam Sài Gòn	Tầng trệt, Tòa nhà M Building, số 09 đường số 08, Khu A, Đô thị Mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	25	369	30	-	73	90	3,351
227	VN0010281	Tân Thuận	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà số 300, 300A, 300B đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	11	163	12	-	33	43	1,577
228	VN0010161	PGD Hiệp Phước	Số 470 Nguyễn Văn Tạo, ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	1	19	-	-	-	5	186
229	VN0010226	CN Phú Nhuận	Một phần tầng Trệt tòa nhà Prince Residence, số 19 - 21 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	12	212	13	-	67	52	2,046
230	VN0010223	Lê Văn Sỹ	Tầng trệt, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 số 67 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	12	181	12	-	33	45	1,874
231	VN0010109	Tân Sơn Nhất	Một phần tầng 1 tòa nhà Garden Gate, số 08 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	16	218	19	-	40	61	2,020
232	VN0010268	CN Bình Chánh	Số 207 – 209 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	12	166	11	-	42	46	1,672
233	VN0010269	Nam Bình Chánh	Số 139 đường Nguyễn Hữu Trí, Khu phố 5, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	8	88	4	-	10	25	956
234	VN0010275	CN Tây Sài Gòn	Số 246 đường Tô Ký, ấp Tam Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	11	189	12	-	36	46	1,799
235	VN0010276	PGD Lý Thường Kiệt	Số 27/2B đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	8	100	9	-	12	26	864

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
236	VN0010208	PGD Bà Điểm	Số 10/2A đường Nguyễn Anh Thủ, ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	6	84	6	-	9	20	746
237	VN0010240	CN Tân Tạo	Số B3/16 - B3/17, quốc lộ 1A, ấp 2 xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	6	104	5	-	18	31	1,081
238	VN0010241	PGD Đông Bình Chánh	Số 495 đường Quốc Lộ 50, ấp 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1	32	-	-	1	6	310
239	VN0010285	CN Nam Hồ Chí Minh	Shophouse 88 - 90 - 92, The Park Residence - Phân khu 12 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	7	125	7	-	32	31	1,274
240	VN0010900	CN Cù Chi	Số 131, tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn Cù Chi, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh	11	182	12	-	42	45	1,761
241	VN0010901	PGD Tân Quy	Số 181 đường Tỉnh Lộ 15, ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh	1	25	1	-	1	6	246
242	VN0010125	CN Vĩnh Lộc	Số D3/11A đường Nguyễn Thị Tú, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	6	60	1	-	1	17	773
243	VN0010135	CN Phú Xuân	Số 2049 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	6	102	5	-	6	26	1,074
244	VN0010461	CN An Giang	Số 128 - 130 Đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	35	449	41	-	78	118	4,045
245	VN0010462	PGD Châu Phú	Số nhà 534A, đường Quốc lộ 91, tổ 3, khóm Vĩnh Lộc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	9	115	11	-	15	30	992
246	VN0010464	PGD Chợ Mới	Tỉnh lộ 942, ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	12	149	15	-	20	40	1,264
247	VN0010463	PGD Tân Châu 2	Số 166 đường Tôn Đức Thắng, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	12	143	15	-	20	39	1,206
248	VN0010560	CN Bà Rịa	Số 86 - 88 đường Bạch Đằng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	18	254	18	-	42	65	2,433
249	VN0010553	PGD Phú Mỹ	Số 280 - 282 đường Độc Lập, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	12	157	15	-	27	41	1,352
250	VN0010855	CN Bến Tre	Thửa đất số 266, Tờ bản đồ số 38, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	19	236	20	-	42	67	2,229
251	VN0010140	CN Bình Dương	Số 306 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	62	681	52	-	157	188	6,572
252	VN0010141	CN Bình Thuận	Số 9 đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	19	249	24	-	40	61	2,128
253	VN0010142	Tân Uyên	Số 63/2 đường DT 746, Khu phố Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	19	291	22	-	55	67	2,814
254	VN0010143	PGD Bến Cát	Số 432 đường 30/4 khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	9	128	11	-	14	30	1,120
255	VN0010144	PGD Uyên Hưng	Thửa đất số 53 tờ bản đồ 10, đường ĐT 747, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	9	121	10	-	14	29	1,056
256	VN0010660	CN Bình Phước	Thửa đất số 225; 226, tờ bản đồ số 45, đường Phú Riêng Dò, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	29	432	29	-	105	104	4,105
257	VN0010661	PGD Phước Long	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	19	249	24	-	50	64	2,129
258	VN0010662	PGD Bình Long	Thửa đất số 204, Tờ bản đồ số 35, khu phố Phú Trung, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	7	98	8	-	11	24	854
259	VN0010663	PGD Chơn Thành	Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 47, khu phố 4, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	3	51	2	-	10	10	474
260	VN0010765	CN Bình Thuận	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Bình Thuận, Khu dân cư Hùng Vương, đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	22	297	20	-	71	74	2,881
261	VN0010766	PGD Bắc Bình	Số 433 đường Nguyễn Tất Thành, khu phố Xuân Hội, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	4	67	4	-	12	13	617

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
262	VN0010751	CN Cà Mau	Số 44-46, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	28	350	32	-	72	97	3,198
263	VN0010451	CN Cần Thơ	Tầng 1, tầng 2 và tầng 7 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ, số 77, 77B Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	62	637	54	-	135	194	5,973
264	VN0010453	PGD Ninh Kiều	Số 122 đường 3/2, phường Hưng Lợi quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	18	200	21	-	33	56	1,676
265	VN0010454	PGD Thốt Nốt	553, QL91, KV Phụng Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	12	147	14	-	19	38	1,257
266	VN0010455	PGD Ô Môn	Số 1177 đường Tôn Đức Thắng (QL91), khu vực 11, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	6	82	6	-	8	20	724
267	VN0010452	Tây Đô	Số 43 Đường CMT8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	29	358	35	-	48	98	3,171
268	VN0010720	CN Đồng Nai	Số K23 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	35	512	35	-	126	107	5,039
269	VN0010722	PGD Tam Hiệp	Số 76/8 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	9	122	11	-	22	30	1,056
270	VN0010723	PGD Tân Hòa	Số 78/16, Khu phố 8, Phường Tân Hòa, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	6	88	6	-	14	21	790
271	VN0010725	PGD Trảng Bom	Số 8/3A ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	8	107	9	-	18	25	944
272	VN0010721	CN Long Thành	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 57 (11-3) - Số 301, Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.	12	171	13	-	53	47	1,770
273	VN0010977	PGD Nhơn Trạch	Lô B-1, B-2, B-3, khu dân cư Thăng Long Home Hiệp Phước, đường TL25B, ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	9	111	11	-	15	30	952
274	VN0010710	CN Đồng Tháp	Số 204-206 đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	25	302	24	-	60	85	2,878
275	VN0010711	PGD Hồng Ngự	Số 66 - 68 đường Võ Văn Kiệt, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	11	132	13	-	18	36	1,118
276	VN0010718	CN Kiên Giang	Số 24, 26, 28 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	23	281	24	-	38	78	2,609
277	VN0010719	PGD Châu Thành	Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21, khu phố Minh Long, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	6	72	6	-	9	20	630
278	VN0010745	CN Lâm Đồng	Số 26 Phan Đình Phùng, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	25	369	30	-	80	88	3,374
279	VN0010746	PGD Đức Trọng	Số 15 đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	14	181	18	-	31	47	1,543
280	VN0010750	PGD Lâm Hà	Số 750 Hùng Vương, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	12	156	15	-	29	40	1,342
281	VN0010747	CN Bảo Lộc	Số 294 đường Trần Phú, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	27	363	30	-	77	92	3,344
282	VN0010971	PGD Di Linh	Số 725 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	8	103	9	-	13	27	891
283	VN0010714	CN Long An	Số 122-124 Hùng Vương, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.	30	373	34	-	63	101	3,390
284	VN0010715	PGD Đức Hòa	Số 789E, tổ 5, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	19	236	24	-	33	62	1,997
285	VN0010716	PGD Bến Lức	Số 239 Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	3	53	3	-	4	12	481
286	VN0010794	PGD Cần Giuộc	Số 571-573 Quốc lộ 50, khu phố 2, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	4	60	4	-	5	13	545
287	VN0010724	CN Long Khánh	Số 21 - 23 đường Nguyễn Trãi, khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	24	324	26	-	59	85	3,018

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
288	VN0010726	PGD Xuân Lộc	Số 132, đường Hùng Vương, khu phố 5, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	13	164	15	-	21	41	1,414
289	VN0010130	CN Nam Bình Dương	Số 01 và số 03 đường D3, khu đô thị thương mại dịch vụ Sóng Thần, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	15	228	15	-	50	61	2,260
290	VN0010203	PGD Sóng Thần	20 Nguyễn An Ninh, KP Nhì Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	19	240	23	-	32	60	2,044
291	VN0010727	CN Phú Quốc	Số 249-251 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	44	528	52	-	90	145	4,665
292	VN0010717	PGD An Thới	Số 54-56-58 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố 3, Phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	22	243	27	-	37	69	2,026
293	VN0010670	CN Sóc Trăng	Số 26 Lê Duẩn, khóm 7, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	27	282	24	-	53	87	2,725
294	VN0010734	CN Tây Ninh	Số 225 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	25	408	28	-	96	95	3,830
295	VN0010735	PGD Tân Biên	Số 225 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	8	122	9	-	24	29	1,081
296	VN0010736	PGD Tân Châu 1	Số 225 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	6	84	7	-	9	21	732
297	VN0010733	PGD Gò Dầu	Số 225 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	12	156	14	-	24	40	1,343
298	VN0010860	CN Vĩnh Long	Số 1D - 1E đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	24	295	26	-	49	84	2,734
299	VN0010862	PGD Bình Minh	Số 79A - 79B, đường Nguyễn Văn Thành, tổ 6, Khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	3	48	3	-	4	11	438
300	VN0010748	CN Tiền Giang	Số 116 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	27	303	25	-	44	84	2,899
301	VN0010749	PGD Cai Lậy	Tầng trệt, tầng 2 tòa nhà công ty Cổ phần Dược phẩm CALAPHARCO, Quốc lộ 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	18	210	23	-	31	59	1,757
302	VN0010970	PGD Gò Công	Thửa đất số 2100 và 2101, tờ bản đồ số 11, Khu phố 3, phường 2, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	6	84	7	-	10	22	729
303	VN0010551	CN Vũng Tàu	Số 81 Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	46	407	25	-	136	126	4,328
304	VN0010552	PGD Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Số 153, 155 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7	99	7	-	20	22	881
305	VN0010554	PGD Rạch Dừa	Số 478 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10	145	12	-	36	34	1,262
306	VN0010555	PGD Long Điền	Số 48, tổ 6, ấp Lò vôi, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	6	85	7	-	15	21	714
307	VN0010910	CN Trà Vinh	Số TRV-PG2-05, TRV-PG2-05A, TRV-PG2-06, khóm 3, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	23	290	25	-	53	82	2,692
308	VN0010290	CN Bạc Liêu	Số 370 - 372 Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	9	173	9	-	22	36	2,309
309	PGD Quế Võ	PGD Quế Võ		1	25	-	-	-	5	250
310	CN Kon Tum	CN Kon Tum		5	78	4	-	5	23	844
311	CN Đắk Nông	CN Đắk Nông		5	78	4	-	5	23	845
312	CN Hậu Giang	CN Hậu Giang		5	78	4	-	5	24	844
313	CN Cao Bằng	CN Cao Bằng		5	78	4	-	5	24	844
314	VN0010921	PGD Quốc Oai		1	30	-	-	-	5	300
315	PGD Xuyên Mộc	PGD Xuyên Mộc		1	25	-	-	-	5	250
316	PGD Sa Đéc	PGD Sa Đéc		1	25	-	-	-	5	250
317	PGD Thanh Oai	PGD Thanh Oai		1	25	-	-	-	5	250
318	PGD Nam Bình Thuận	PGD Nam Bình Thuận		1	25	-	-	-	5	250
319	PGD Hoài Nhơn	PGD Hoài Nhơn		1	25	-	-	-	5	250

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
320	SME HO ĐN	SME HO ĐN	Tầng 18- số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	139	141	-	-	56	27	2,083
321	KHCN HO ĐN	KHCN HO ĐN	Tầng 16- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	313	202	-	-	150	150	4,000

HỢI SỞ				3341	14430	500	5000	3241	3491	104133
1		Ban Kế hoạch và Marketing	Tầng 23- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	145	150	-	-	90	70	1,800
2		Ban dự án S600	Tầng 21- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	180	351	-	-	136	121	2,620
3		Ban Khách hàng chiến lược	Tầng 20- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	90	638	-	-	90	350	2,380
4		Ban Lãnh đạo	Tầng 24- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	411	895	-	-	992	231	2,917
5		Cơ quan Kiểm toán nội bộ	Tầng 21- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	18	154	-	-	23	-	860
6		Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Tầng 25- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	626	460	-	-	90	147	4,770
7		Chủ tịch và CEO	Tầng 24- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	157	353	-	-	157	157	392
8		Khối Công nghệ thông tin Tầng 10 - Tòa nhà 18 LVL	Tầng 10 - Tòa nhà 18 LVL	30	1,402	-	-	-	-	12,840
9		Khối Công nghệ thông tin Tòa nhà HUD - 37 LVL	Tòa nhà HUD - 37 LVL	-	196	-	-	-	-	1,960
10		Khối Công nghệ thông tin Tòa nhà Comas - Số 3, ngõ 21 LVL	Tòa nhà Comas - Số 3, ngõ 21 LVL	-	574	-	-	-	-	5,740
11		Khối Công nghệ thông tin Tòa nhà Sunny Tower - 259 Trần Hưng Đạo, Q1 - HCM	Tòa nhà Sunny Tower - 259 Trần Hưng Đạo, Q1 - HCM	-	26	-	-	-	-	260
12		Khối Công nghệ thông tin Số 3 Liễu Giai	Số 3 Liễu Giai	-	44	-	-	-	-	440
13		Khối Công nghệ thông tin 174 Lê Đình Lý - Đà Nẵng	174 Lê Đình Lý - Đà Nẵng	-	14	-	-	-	-	140
14		Khối Đầu tư	Tầng 20 - MB 18 Lê Văn Lương	50	85	-	-	20	35	830
15		Khối Dữ liệu	Tầng 15- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	20	640	-	-	164	50	8,700
16		Khối Hành chính	Tầng 7- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	50	346	-	-	15	20	2,960
17		Khối Khách hàng cá nhân	Tầng 16- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	-	564	-	-	-	-	3,400
18		Khối Khách hàng lớn Tầng 17- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	Tầng 17- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	50	230	-	-	110	50	2,900
19		Khối Khách hàng lớn 259 Trần Hưng Đạo- HCM	259 Trần Hưng Đạo- HCM	-	16	-	-	9	5	410
20		Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ Tầng 18- số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Tầng 18- số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	260	377	-	-	200	50	2,277
21		Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ MB Sunny Tower, số 259 Đ. Trần Hưng Đạo, Phường Cồ Giang, Quận 1, Hồ Chí Minh	MB Sunny Tower, số 259 Đ. Trần Hưng Đạo, Phường Cồ Giang, Quận 1, Hồ Chí Minh	33	43	-	-	11	6	440
22		Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng	Tầng 20, số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	15	151	-	-	5	20	1,060
23		Khối Ngân hàng số Tầng 17, 18 LVL	Tầng 17, 18 LVL	3	342	-	-	-	-	2,520
24		Khối Ngân hàng số Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cồ Giang, Quận 1, Hồ Chí Minh	Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cồ Giang, Quận 1, Hồ Chí Minh	-	29	-	-	-	-	240
25		Khối Ngân hàng số 21 Cát Linh	21 Cát Linh	-	50	-	-	-	-	500
26		Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ	Tầng 18- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	20	501	-	-	30	100	2,690

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Địa chỉ	Lịch 365 ngày	Lịch bloc 53 tuần	Lịch 12 tháng	Lịch 1 tờ	Lịch bàn	Thiệp	Lì xì
27		Khối Pháp chế và Tuân thủ HO- Tầng 19 số 18 Lê Văn Lương	HO- Tầng 19 số 18 Lê Văn Lương	77	392	-	-	90	1,000	1,100
28		Khối Pháp chế và Tuân thủ HO- Tầng 21 số 18 Lê Văn Lương	HO- Tầng 21 số 18 Lê Văn Lương	95	534	-	-	90	125	1,040
29		Khối Pháp chế và Tuân thủ Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh Đà Nẵng	-	45	-	-	-	-	-
30		Khối Pháp chế và Tuân thủ Chi nhánh Cần Thơ	Chi nhánh Cần Thơ	-	45	-	-	-	-	-
31		Khối Pháp chế và Tuân thủ 259 Trần Hưng Đạo - Tuấn Khôi	259 Trần Hưng Đạo - Tuấn Khôi	-	74	-	-	-	-	40
32		Khối Pháp chế và Tuân thủ 259 Trần Hưng Đạo - Bảo Trân	259 Trần Hưng Đạo - Bảo Trân	13	24	-	-	16	-	940
33		Khối Quản trị rủi ro	Tầng 22- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	56	328	-	-	51	55	3,280
34		Khối Tài chính Kế toán	Tầng 21- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	10	254	-	-	117	31	2,540
35		Khối Thâm định 18 LVL	18 LVL	15	429	-	-	55	50	4,740
36		Khối Thâm định 259 trần hưng đạo, HCM	259 trần hưng đạo, HCM	-	144	-	-	-	-	1,440
37		Khối Tổ chức Nhân sự	Tầng 19- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	52	252	-	-	42	42	3,660
38		Khối Vận hành 18 Lê Văn Lương	18 Lê Văn Lương	50	556	-	-	55	-	8,560
39		Khối Vận hành 21 Cát Linh	21 Cát Linh	-	80	-	-	-	-	800
40		Khối Vận hành Số 37 Lê Văn Lương	Số 37 Lê Văn Lương	-	362	-	-	-	-	3,620
41		Khối Vận hành 538 CMT8-TPHCM	538 CMT8-TPHCM	-	240	-	-	-	-	2,400
42		Trung tâm phê duyệt tín dụng	Tầng 12- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	57	104	-	-	26	30	1,130
43		Văn phòng CEO	Tầng 24- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	528	830	500	5,000	300	500	1,540
44		Văn phòng CEO - Phòng Chính trị	Tầng 19- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	180	550	-	-	180	200	300
45		Văn phòng CEO - Báo chí	Tầng 24- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	30	160	-	-	35	30	300
46		Văn phòng CEO - Thi đua khen thưởng	Tầng 24- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	20	-	-	-	-	-	-
47		Văn phòng Hội đồng quản trị	Tầng 25- 18 Lê Văn Lương- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội	-	396	-	-	42	16	657